



2017 高雄公開賽 第三回合編組表
2017 KAOHSIUNG OPEN
Round 3 Grouping
Kaohsiung Golf & Country Club



Round 3 Grouping			Name	Chinese name	Country	R1	R2	TOTAL	+/-
Group	Time	Tee							
11	07:05	1	Chan Yin Shin	詹益信	TWN	75	72	147	3
			Hsieh Chin Sheng	謝錦昇	TWN	74	73	147	3
			Chen Yu Chen	陳宥蓁 A	TWN	76	71	147	3
12	07:15	1	David Shen	沈代偉	TWN	71	75	146	2
			Lai Wei Lun	賴韋倫	TWN	75	71	146	2
			Kao Teng	高 藤	TWN	75	71	146	2
13	07:25	1	Chang Hung Ta	張宏達	TWN	74	72	146	2
			Liu Wei Hou	劉威侯	TWN	72	74	146	2
			Lee Cho Chuan	李卓全	TWN	76	70	146	2
14	07:35	1	Lin Chie Hsiang	林吉祥	TWN	71	75	146	2
			Wang Wei Hsiang	王偉祥(國訓)	TWN	73	73	146	2
			Wang Tzu Ming	王子銘	TWN	69	76	145	1
15	07:45	1	Liu Yen Hung	劉嚴鴻(國訓)	TWN	71	74	145	1
			Liu Tse Sen	劉澤森	TWN	73	72	145	1
			Hsu Chia Che	徐嘉哲 A	TWN	74	71	145	1
16	07:55	1	Fan Chiang Hao Chuan	范姜皓詮	TWN	73	72	145	1
			Lin Keng Chi	林根基	TWN	73	72	145	1
			Lin Wen Ko	林文科	TWN	74	71	145	1
17	08:05	1	Fang Yin Jen	方胤人	TWN	71	74	145	1
			Yu Sung I	郁淞壹	TWN	74	70	144	E
			Wang Shih Jui	王士瑞	TWN	70	73	143	-1
18	08:15	1	Liu Yu Jui	劉又睿	TWN	73	69	142	-2
			Wang Wei Lun	王偉倫	TWN	70	72	142	-2
			Tsai Che Hung	蔡哲弘	TWN	70	72	142	-2
19	08:25	1	Chen Hao Sen	陳浩森	TWN	68	73	141	-3
			Peng Hung Ching	彭弘瑾	TWN	70	71	141	-3
			Hsu Hung Hsuan	許閔軒 A	TWN	72	69	141	-3
20	08:35	1	Lu Wen Teh	呂文德52	TWN	70	69	139	-5
			Yeh Wei Tze	葉偉志	TWN	67	71	138	-6
			Sung Mao Chang	宋孟璋	TWN	70	67	137	-7

Round 3 Grouping			Name	Chinese name	Country	R1	R2	TOTAL	+/-
Group	Time	Tee							
1	07:00	10	Lu Chien Soon	盧建順	TWN	74	73	147	3
			Hsu Li Peng	許立朋	TWN	73	74	147	3
			Chiang Chen Chih	蔣宸麟	TWN	75	72	147	3
2	07:10	10	Wang Tsung Chieh	汪聰傑	TWN	73	74	147	3
			Chang Hsiu Chi	張修齊(國訓)	TWN	71	76	147	3
			Lin Yung Lung	林永龍	TWN	72	75	147	3
3	07:20	10	Tsai Tsung Yu	蔡宗佑	TWN	73	74	147	3
			Tseng Fu Tung	曾豐棟 A	TWN	77	70	147	3
			Lu Wen Der	呂文德59	TWN	73	74	147	3
4	07:30	10	Chen Neen chee	陳銘琦	TWN	73	75	148	4
			K.P. LIN	林冠伯	TWN	75	73	148	4
			Yeh Yu Chen	葉昱辰	TWN	79	69	148	4
5	07:40	10	Yeh Chang Ting	葉彰廷	TWN	76	72	148	4
			Weng Young Tien	翁永田	TWN	76	72	148	4
			Tseng Tzu Hsuan	曾子軒	TWN	78	70	148	4
6	07:50	10	Hsu Kuo Hsiung	徐國雄	TWN	73	75	148	4
			Huang Tao	黃 韜	TWN	72	76	148	4
			Fu Ying Feng	傅英峰	TWN	73	75	148	4
7	08:00	10	Huang Chi	黃 頌	TWN	75	73	148	4
			Tseng Tzu Hao	曾子豪	TWN	76	72	148	4
			Chiang Jung Pin	姜榮彬	TWN	72	76	148	4
8	08:10	10	Lion Goh		MAS	80	69	149	5
			Chen Chun Li	陳君吏	TWN	71	78	149	5
			Hsieh Min Hsuan	謝旻軒	TWN	75	74	149	5
9	08:20	10	Huang Hsiang Hao	黃祥豪	TWN	77	72	149	5
			Wang Jen Li	王人立	TWN	74	75	149	5
			Lee Shih Hung	李士鴻	TWN	74	75	149	5
10	08:30	10	Hsiao Hung Yu	蕭宏宇	TWN	77	72	149	5
			Yang Chun Chieh	楊浚諤 A	TWN	73	77	150	6